

Số: /BC-BKTNS

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề)
Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Thực hiện Thông báo số 43/TB-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Thông báo số 50/TB-HĐND và Thông báo số 51/TB-HĐND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung nội dung và phân công thẩm tra Tờ trình và dự thảo Nghị quyết trình Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031. Ban Kinh tế - Ngân sách được phân công chủ trì thẩm tra 10 nội dung (*trong đó có 05 nội dung quy phạm pháp luật*), Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra đối với các Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, trách nhiệm của cấp xã trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Điều 6 và Điều 10 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

4.3. Về dự thảo Nghị quyết

- Tại Điều 5, điều khoản chuyên tiếp:

+ Đề nghị điều chỉnh như sau: “*Đối với danh mục dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, nội dung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt và được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 trước khi Nghị quyết này có hiệu lực, được tiếp tục thực hiện và điều chỉnh, bổ sung theo quy định phân cấp tại Nghị quyết này*”.

+ Đề nghị báo cáo các trường hợp được tiếp tục áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) về phân cấp thẩm quyền quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp) quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn do Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND quy định về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (*bao gồm vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cấp tỉnh đối ứng*) thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc nguồn vốn phân cấp cấp huyện quản lý (thẩm quyền này đã được giao cho UBND cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15).

4.4. Nội dung đề nghị:

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm triển khai thực hiện điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia¹.

- Đề nghị HĐND, UBND cấp xã trong quá trình thực hiện quan tâm ưu tiên phân bổ kinh phí, vốn cho các thôn đặc biệt khó khăn; đồng thời bảo đảm việc điều chỉnh kinh phí, vốn từ các nội dung, hoạt động đã hết nhiệm vụ chi để thực hiện các nội dung, hoạt động khác thuộc Chương trình bảo đảm không vượt tổng mức, không làm thay đổi cơ cấu chi đầu tư, chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao theo đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Điều 10 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

II. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết để bảo đảm thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh và phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời, làm cơ sở pháp lý để phân định rõ nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; điểm m khoản 9 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 51 Điều 1 Nghị

¹ Điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định:

“c) Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cơ chế, chính sách, quy mô bố trí ngân sách tự cân đối của địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng thuộc phạm vi đầu tư, nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.”

định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022; khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017.

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.1. *Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:* Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. *Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản*

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

4.3. *Về dự thảo Nghị quyết*

- Tại Điểm b khoản 5 Điều 2, điểm b khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung cụm từ “... tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 15 Điều 4 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15”.

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục rà soát quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan về trách nhiệm của UBND cấp xã trong công tác bảo vệ môi trường để phân định nhiệm vụ chi bảo đảm phù hợp².

4.4. *Nội dung đề nghị UBND tỉnh*

- Tại điểm b và c khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị UBND tỉnh báo cáo căn cứ pháp lý quy định thẩm quyền của ngân sách cấp xã đối với hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước và hoạt động điều tra, đánh giá đất đai, do theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước năm 2023³ và khoản 3

² Điểm a khoản 5 Điều 4 dự thảo quy định nhiệm vụ chi của cấp xã: “xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của cấp xã”. Tuy nhiên, theo Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, trong đó quy định UBND tỉnh tổ chức xây dựng dự án xác lập, tổ chức thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên cấp tỉnh trên địa bàn quản lý, UBND cấp xã cử đại diện tham gia làm Thành viên của Hội đồng thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên cấp tỉnh.

³ Khoản 4 Điều 10 Luật Tài nguyên nước năm 2023 quy định: “4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp, cập nhật kết quả vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia quy định tại Điều 7 của Luật này.”

Điều 55 Luật Đất đai năm 2024⁴ thì 02 nội dung nêu trên thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh. Đồng thời, đề nghị rà soát các nhiệm vụ thuộc cấp tỉnh để thống nhất với tiết b4 điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030⁵.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 103/NQ-HĐND về việc quyết định Kế hoạch đầu tư công năm 2026, trong đó đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư 150 triệu đồng để thực hiện dự án “*Tăng cường năng lực quan trắc tự động môi trường*”, đề nghị UBND tỉnh báo cáo cơ sở pháp lý quy định nhiệm vụ chi thường xuyên đối với nội dung “*a) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh theo dự án đầu tư*”.

III. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ chi phí thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm khuyến khích phát triển doanh nghiệp, góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Đề án số 15-ĐA/TU ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

⁴ Khoản 3 Điều 55 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây: a) Tổ chức thực hiện, phê duyệt và công bố kết quả điều tra, đánh giá đất đai của địa phương;”

⁵ Tiết b4 điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định:

“2. Chi thường xuyên theo phân cấp trong các lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh:

b) Các hoạt động kinh tế do tỉnh quản lý, bao gồm:

b.4) Hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, bao gồm:

b.4.1) Quản lý đất đai: Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề; lập, chỉnh lý bản đồ địa chính; thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ giá đất; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biên động đất đai theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có); xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai;

...b.4.4) Tài nguyên nước: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn tỉnh; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn; xây dựng và duy trì hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước; xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi địa phương quản lý; các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp do cấp tỉnh quản lý; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước;”

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15.

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

4.3. Về dự thảo Nghị quyết

- Về tên dự thảo Nghị quyết hiện đang quy định: “*Quy định mức hỗ trợ chi phí thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh*”, tuy nhiên nội dung dự thảo nghị quyết bao gồm việc hỗ trợ kinh phí đăng ký và duy trì chữ ký số cho doanh nghiệp, đây là nội dung thực hiện sau khi thành lập doanh nghiệp. Đề nghị rà soát, nghiên cứu điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết bảo đảm bao quát đầy đủ nội dung quy định.

- Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ kinh phí đăng ký và duy trì sử dụng chữ ký số cho doanh nghiệp thành lập mới, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu xem xét quy định theo hướng hỗ trợ 100% chi phí thành lập doanh nghiệp như: Chi phí đăng ký, duy trì sử dụng chữ ký số, ... theo chi phí, hóa đơn thực tế phát sinh trong thời gian hỗ trợ nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với biến động giá dịch vụ trên thị trường, thống nhất, trong quá trình tổ chức thực hiện.

4.4. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo khả năng cân đối ngân sách địa phương để triển khai thực hiện Nghị quyết; đồng thời làm rõ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) bảo đảm cơ sở thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

- Để thực hiện mục tiêu của Đề án số 15-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030: “*Phấn đấu đến năm 2030 có từ 36.000 doanh nghiệp trở lên hoạt động trên địa bàn tỉnh và đạt 20 doanh nghiệp/1.000 dân*”, tại kỳ họp này, UBND

tình hình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thành lập mới doanh nghiệp với 02 nội dung hỗ trợ gồm: hỗ trợ phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và hỗ trợ kinh phí đăng ký, duy trì sử dụng chữ ký số, đề nghị UBND tỉnh:

+ Báo cáo cơ sở pháp lý chỉ trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ đối với 02 nội dung trên.

+ Báo cáo các giải pháp, cơ chế, chính sách dự kiến triển khai trong thời gian tới nhằm hỗ trợ doanh nghiệp duy trì hoạt động và phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững; qua đó thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân, góp phần nâng cao năng lực nội sinh của nền kinh tế tỉnh.

- Để hạn chế tình trạng doanh nghiệp thành lập mới nhằm hưởng chính sách hỗ trợ nhưng sau đó ngừng hoạt động hoặc giải thể, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu quy định cụ thể về điều kiện, trình tự, thủ tục thụ hưởng chính sách, bảo đảm chặt chẽ, đúng mục tiêu hỗ trợ vào nội dung dự thảo Nghị quyết; đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm hiệu quả, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tiếp cận chính sách hỗ trợ, góp phần phát huy vai trò của các doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội và tăng trưởng của tỉnh.

- Ngoài các chính sách của Nghị quyết này, doanh nghiệp mới thành lập là doanh nghiệp nhỏ và vừa còn được hưởng chính sách theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Do đó, đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để bảo đảm triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập trên địa bàn tỉnh.

IV. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường của hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Việc ban hành Nghị quyết là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý để Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với diễn biến của thị trường, đồng thời bảo đảm tính ổn định của bảng giá đất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giá đất và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.1. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

4.3. Về dự thảo Nghị quyết:

Theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường được xác định bằng tỷ lệ giữa giá đất thị trường/giá đất trong bảng giá đất. Qua khảo sát của các Ban HĐND tỉnh cho thấy, tại một số khu vực, giá đất phổ biến trên thị trường hiện cao hơn so với giá đất quy định trong bảng giá đất, với mức chênh lệch thực tế có nơi vượt quá biên độ tăng của bảng giá đất khi xây dựng Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND (từ 1,0 đến 3,32 lần). Đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ cơ sở, căn cứ thực tiễn và phương pháp tính toán để xác định mức tối đa của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường là $K = 3$; đồng thời đánh giá mức độ phù hợp của hệ số này so với diễn biến thực tế của thị trường, khả năng bao quát các trường hợp có biến động lớn về giá đất và tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm kịp thời xử lý các trường hợp phát sinh trên địa bàn tỉnh.

4.4. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, đánh giá biến động giá đất trên thị trường, quá trình áp dụng hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất để kịp thời trình HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

V. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc thông qua bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 72 Luật Đất đai năm 2024.

2. Về dự thảo Nghị quyết

- Đối với dự án khai thác đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Đồng Dong, xã La Hiên, xã Quang Sơn tỉnh Thái Nguyên, diện tích 5,3ha: Qua khảo sát phần diện tích dự kiến thu hồi đất được sử dụng để xây dựng hạng mục các công trình phụ trợ, kho mìn phục vụ hoạt động khai thác của dự án và chưa có quyết định phê duyệt chấp thuận đầu tư của cấp có thẩm quyền. Đề nghị UBND tỉnh xem xét, không trình HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất đối với dự án này.

- Đối với dự án mở rộng công trình phụ trợ phục vụ khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Lũng Mò, thôn 9, xã Chợ Đồn, diện tích 1,5ha: Dự án được UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành giấy phép số 1065/GP-UBND ngày 20/6/2011 cho Doanh nghiệp tư nhân Đồng Sơn làm chủ đầu tư khai thác, thời hạn khai thác 30 năm từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2041. Tuy nhiên, qua khảo sát, phần diện tích đất rừng sản xuất khoảng 1,1ha để mở rộng công trình phụ trợ không còn nguyên hiện trạng rừng, chủ đầu tư đã thực hiện san lấp mặt bằng phục vụ khai thác dự án. Đề nghị UBND tỉnh báo cáo, làm rõ; đồng thời, có phương án xử lý vi phạm (nếu có) trước khi trình HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất.

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Đánh giá sự phù hợp của 32 dự án đề nghị HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất đối với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan.

- Đối với dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Chu 1, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, diện tích 70ha: CCN được thành lập theo Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn do Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng Minh Phú làm chủ đầu tư, trong đó tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong vòng 36 tháng kể từ ngày ký quyết định thành lập, đến thời điểm khảo sát còn gần 25 tháng để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy, tuyến đường đề nghị đầu nối vào CCN với đường cao tốc Chợ Mới - Thái Nguyên chưa có trong quy hoạch cấp xã được phê duyệt, chưa được chấp thuận bổ sung vị trí đầu nối với đường cao tốc của cấp có thẩm quyền;

đồng thời, trong phạm vi dự án có khoảng 30 hộ dân có đất ở bị ảnh hưởng, cần thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp với chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các thủ tục liên quan, đặc biệt là thủ tục đầu tư tuyến đường kết nối, công tác giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đúng tiến độ dự án, không làm ảnh hưởng đến đời sống người dân và hiệu quả thu hút đầu tư của cụm công nghiệp.

- Đối với Dự án khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Suối Nho - sông Rong, xã Liên Minh và xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, diện tích 20,13ha: Dự án được phê duyệt chủ trương lần đầu tại Quyết định số 4133/QĐ-UBND ngày 23/12/2019⁶, và điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ 1 tại Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 20/2/2024 trong đó điều chỉnh thời gian và tiến độ thực hiện dự án đến hết Quý IV/2025⁷; đồng thời, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án thu hồi đất tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 với diện tích 9,87 ha. Đến ngày 12/12/2024, dự án đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 3185/GP-UBND với diện tích khu vực khai thác là 30ha. Tuy nhiên, qua khảo sát, đối với phần diện tích đã được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi là 9,87ha đến nay chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thiện các thủ tục pháp lý để giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; đồng thời đã hết thời gian thực hiện các hạng mục xây dựng của dự án. Đề nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo rà soát toàn diện tiến độ thực hiện dự án, làm rõ nguyên nhân chậm triển khai, đồng thời có biện pháp xử lý hoặc điều chỉnh dự án theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai và khoáng sản trước khi thu hồi đất, bảo đảm hiệu quả sử dụng đất và tài nguyên khoáng sản.

- Đối với dự án Khu xử lý chất thải rắn liên vùng huyện Chợ Mới, diện tích 38,30ha: Qua khảo sát, phương án kết nối giao thông của dự án phụ thuộc vào tiến độ xây dựng tuyến đường vào khu xử lý. Hiện nay, UBND xã Chợ Mới đã ban hành Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường vào khu xử lý chất thải rắn liên vùng huyện Chợ Mới⁸. Tuy nhiên, việc sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư tuyến đường phục vụ chủ yếu cho hoạt động của dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư cần được xem xét, đánh giá kỹ về sự cần thiết, phạm vi phục vụ và tính phù hợp với nguyên tắc đầu tư công, bảo đảm không hình thành cơ chế hỗ trợ trực tiếp không đúng đối tượng. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát, làm rõ tính chất sử dụng chung của

⁶ Thời gian thực hiện dự án từ Quý II/2019 đến Quý III/2021: Tiến hành khai thác, cung cấp các sản phẩm.

⁷ Đến hết Quý IV/2025: Hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư; thực hiện các thủ tục về đất đai, giải phóng mặt bằng, xây dựng môi trường; cấp phép khai thác; thiết kế cơ sở mỏ; thực hiện xây dựng cơ bản mỏ; tiến hành khai thác, cung cấp các sản phẩm.

⁸ Tổng mức đầu tư 36,4 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác. Thời gian thực hiện dự án năm 2026-2027, dự án đã được UBND tỉnh bổ sung có mục tiêu trên 10 tỷ đồng tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 13/2/2026.

tuyến đường, phương án khai thác và trách nhiệm đầu tư hạ tầng; trên cơ sở đó xác định hình thức đầu tư, nguồn vốn và mức độ tham gia của ngân sách nhà nước phù hợp, bảo đảm hiệu quả đầu tư và đúng quy định pháp luật.

- Đề nghị UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu của dự án; đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành và UBND cấp xã rà soát, tính toán thống kê chính xác số liệu về diện tích, tên, địa điểm trong danh mục các dự án có thu hồi đất, tránh tình trạng phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nhiều lần; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện thu hồi đất bảo đảm đúng diện tích đất được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

VI. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2025 được kéo dài từ năm 2025 chuyển sang năm 2026 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc trả lời các kiến nghị về sử dụng ngân sách của các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2025.

2. Về dự thảo Nghị quyết

- Về tên dự thảo Nghị quyết: Đề nghị điều chỉnh như sau: “*Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia được kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026)*”.

- Tại Điều 3: Đề nghị bổ sung nội dung: “*UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án, đồng thời chịu trách nhiệm tự xác định các nhiệm vụ chi đã hoàn thành, các nhiệm vụ chi không còn đối tượng thực hiện hoặc không thực hiện trong thời hạn giải ngân theo quy định tại khoản 9 Nghị quyết số 265/2025/QH15 của Quốc hội (đến hết ngày 31/12/2026). Giao UBND tỉnh tiếp tục rà soát và trình HĐND tỉnh phân bổ số kế hoạch vốn ngân sách nhà nước còn dư chưa phân bổ theo đúng quy định của pháp luật.*”

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Báo cáo nguyên nhân một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp xã hoàn trả ngân sách tỉnh số vốn lớn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, như:

Sở Nông nghiệp và Môi trường 36,05 tỷ đồng; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp 11 tỷ đồng; xã Văn Lăng 11,8 tỷ đồng.

- Nguyên nhân đến nay mới trình HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1,68 tỷ đồng.

- Báo cáo cơ sở bố trí vốn đối với 02 Dự án: Làm tràn trên tuyến đường giao thông Nà Roòng - Khuân Ban, xã Như Cố, huyện Chợ Mới⁹ và Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023 - 2025¹⁰; đồng thời rà soát, tổng hợp các dự án đã được phê duyệt quyết toán nhưng chưa được bố trí đủ vốn để có phương án xử lý, bố trí nguồn vốn theo quy định.

- Rà soát đối với các dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu giao cho cấp xã làm chủ đầu tư không còn phát sinh nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được chưa thực hiện hoàn trả ngân sách tỉnh; đồng thời, tổng hợp báo cáo kết quả số kinh phí, số vốn làm thủ tục chuyển nguồn, số hủy dự toán (nếu có).

- Báo cáo danh mục nội dung, hoạt động, nhiệm vụ, dự án đầu tư đang thực hiện dở dang nhưng chưa hoàn thành trong năm 2025; nội dung, hoạt động, nhiệm vụ dự án đầu tư trong dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 hoặc đã phê duyệt trong kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 của từng chương trình chưa thực hiện được trong năm 2025 (nếu có) làm cơ sở để trình HĐND tỉnh phân bổ vốn cho các nội dung, nhiệm vụ, dự án đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời, báo cáo phương án xử lý đối với số kế hoạch vốn ngân sách nhà nước còn dư tại ngân sách tỉnh chưa phân bổ là 9.445,686 triệu đồng.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân 100% vốn đầu tư công đã chuyển nguồn. Việc sử dụng ngân sách chuyển nguồn phải bảo đảm nguyên tắc ưu tiên theo hướng dẫn tại Văn bản số 6268/BTC-PTHT ngày 15/5/2026 của Bộ Tài chính.

VII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương từ nguồn năm 2025 chuyển sang năm 2026 còn dư tại ngân sách tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Văn bản số 6268/BTC-PTHT

⁹ Đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 34/QĐ-STC ngày 26/01/2026 của Sở Tài chính, còn thiếu 297 triệu đồng;

¹⁰ Đã được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn, còn thiếu 33 triệu đồng.

ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc trả lời các kiến nghị về sử dụng ngân sách của các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài sang thực hiện trong năm 2025.

2. Về dự thảo Nghị quyết

Tại Điều 2: Đề nghị bổ sung nội dung: “UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu dự án”.

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Số kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 chuyển sang năm 2026 dư tại ngân sách tỉnh là rất lớn 90.883,760 triệu đồng. Đề nghị UBND tỉnh đánh giá nguyên nhân, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác lập kế hoạch, phân bổ và tổ chức thực hiện; đồng thời có giải pháp khắc phục, nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và triển khai các nhiệm vụ, dự án và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm nguồn lực được sử dụng hiệu quả, đúng mục tiêu, tránh lãng phí ngân sách nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là tại các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện tiêu dự án 2, dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; khả năng giải ngân số vốn là 5.760 triệu đồng trong năm 2026.

- Báo cáo nguyên nhân một số cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp xã hoàn trả ngân sách tỉnh số vốn lớn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, như: Sở Giáo dục và Đào tạo 19,2 tỷ đồng; Sở Dân tộc và Tôn giáo 19,3 tỷ đồng; xã Cẩm Giàng 8,3 tỷ đồng,...

- Rà soát đối với các dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu giao cho cấp xã làm chủ đầu tư không còn phát sinh nhiệm vụ chi hoặc còn nhiệm vụ chi nhưng không thực hiện được chưa thực hiện hoàn trả ngân sách tỉnh; đồng thời, tổng hợp báo cáo kết quả số kinh phí, số vốn làm thủ tục chuyển nguồn, số hủy dự toán (nếu có).

VIII. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về đồng thuận về việc đề xuất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cao tốc CT.07 đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban thống nhất như dự thảo Nghị quyết.

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan phối hợp với chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục dự án, bố trí quỹ đất tái định cư; khẩn trương triển khai dự án, bảo đảm chất lượng, tiến độ và phát huy hiệu quả đầu tư.

IX. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 11/12/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 (sau đây viết tắt là Chương trình). Để triển khai thực hiện Nghị quyết này, ngày 15/4/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

Để có cơ sở phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách

trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

4. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

4.1. *Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày*: Dự thảo Nghị quyết xây dựng bảo đảm phù hợp với Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. *Trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản*

Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

5. Về nội dung dự thảo Nghị quyết và quy định ban hành kèm theo

5.1. *Về nội dung dự thảo Nghị quyết*

- Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị rà soát các nghị quyết sẽ hết hiệu lực để bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết: Đề nghị nghiên cứu xem xét điều chỉnh nội dung quy định chuyên tiếp nhằm bảo đảm các nội dung, nhiệm vụ đang triển khai hoặc chưa triển khai thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia tiếp tục triển khai theo quy định tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội.

- Đề nghị xác định ngày có hiệu lực của văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “*Văn bản phải xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành*”.

5.2. *Về dự thảo quy định ban hành kèm theo Nghị quyết*

- Tại khoản 2 Điều 5 của dự thảo quy định, đề nghị điều chỉnh và viết lại thành: “*Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định*”.

- Tại điểm d khoản 5 Điều 7, để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên

quan, đề nghị điều chỉnh và viết lại thành: “Việc hỗ trợ xi măng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này được thực hiện bằng hình thức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã để tổ chức mua xi măng theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập dự toán, quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định.”; đồng thời lược bỏ “Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, tiếp nhận, quản lý và sử dụng xi măng đúng mục đích, đúng đối tượng, bảo đảm chất lượng, khối lượng, hiệu quả đầu tư; thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ.”

- Tại điểm a khoản 2 Điều 8 (điểm theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương), đề nghị xem xét cách tính điểm để bảo đảm theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời bảo đảm phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 8 (điểm theo quy mô số thôn, xóm, tổ dân phố) và điểm b khoản 4 Điều 8 (căn cứ xác định số liệu), đề nghị lược bỏ nội dung “tính đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2026”; đồng thời nghiên cứu xem xét việc điều chỉnh số thôn tại điểm b khoản 2 Điều 8 để bảo đảm phù hợp với thực tiễn trong khi địa phương đang tổ chức triển khai, thực hiện việc sắp xếp thôn (xóm), tổ dân phố theo Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về tổ chức thực hiện việc sắp xếp thôn (xóm), tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

5.3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

- Đề nghị xác định cơ sở để đưa ra hệ số tính toán tại điểm a, b tại khoản 2 Điều 4 lần lượt là 20 và 10 trong khi theo quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ các hệ số này là 0,4 và 0,2.

- Đề nghị làm rõ cơ sở tính toán để phân bổ và bố trí tối đa 10% vốn đầu tư phát triển, 10 % kinh phí thường xuyên cho các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh.

- Đánh giá sự phù hợp trong việc quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 (điểm theo tỷ lệ dân số dân tộc thiểu số) dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết khi chuyển từ giá trị tuyệt đối được quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ sang giá trị tương đối là tỷ lệ phần trăm (%).

- Báo cáo cụ thể số kinh phí dự kiến được phân bổ và các nguồn kinh phí thực hiện đối ứng của tỉnh nhằm bảo đảm việc tổ chức, triển khai Chương trình có hiệu quả trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Nghiên cứu xem xét, có cơ chế hỗ trợ kinh phí đối ứng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đối với các xã, đặc biệt là các xã thuộc khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số không bảo đảm việc cân đối nguồn thu có tỷ lệ nhận bổ sung cân đối từ 80% trở lên.

- Xem xét bổ sung quy định để điều tiết khối lượng hỗ trợ xi măng theo hướng linh hoạt, bảo đảm các địa phương sử dụng hiệu quả nguồn xi măng được hỗ trợ, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới và tránh lãng phí nguồn lực.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương sớm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng đồ án quy hoạch cấp xã, bảo đảm việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đúng tiến độ, nhất là các dự án đầu tư công.

X. Tờ trình, dự thảo Nghị quyết bãi bỏ một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp) và Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp)

1. Tính hợp hiến, hợp pháp: Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15).

2. Về dự thảo Nghị quyết: Ban cơ bản thống nhất như dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, Ban đề nghị như sau:

Đối với 04 nghị quyết: (1) Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê chuẩn Đề án đào tạo bác sỹ theo địa chỉ giai đoạn 2009 - 2017 và cán bộ, công chức có trình độ cao giai đoạn 2009 - 2015; (2) Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; (3) Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; (4) Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định một số nội dung và mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là các chính sách đặc thù trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (trước sắp xếp), hiện vẫn đang thực hiện theo giai đoạn được quy định trong các nghị quyết và liên quan trực tiếp đến quyền lợi, trách nhiệm của một số đối tượng thụ hưởng. Do đó, tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, Ban đề nghị nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng, chỉnh sửa, bảo đảm các đối tượng cụ thể đã và đang được hưởng chính sách theo các Nghị quyết nêu trên thì tiếp tục được hưởng kinh phí hỗ trợ, thực hiện trách nhiệm, cam kết của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

3. Nội dung đề nghị UBND tỉnh

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sớm chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định việc thường vượt thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã*”, nhằm kịp thời cụ thể hóa quy định của pháp luật và tạo cơ sở triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra đối với các nội dung trình tại Kỳ họp thứ ba (Kỳ họp chuyên đề), HĐND tỉnh Khóa XV, Ban Kinh tế - Ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự Kỳ họp;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- CV Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Trịnh Tiến Dũng